TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Luật.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Thiện Tố.

- Ông Trần Văn Tuyến.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn T2; Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Trị, hiện nay không rõ địa chỉ cụ thể, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị T1 và anh Phan Văn T2 kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L. Quá trình chung sống được hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2016, anh T2 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị T1 không biết địa chỉ cụ thể. Do cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, anh T2 ít khi liên lạc với vợ, tình cảm ngày càng phai nhạt, chị T1 nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề

nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn T2.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Văn T3, sinh ngày 09/3/2009 và cháu Phan Đăng Nhật D2, sinh ngày 02/01/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở với ông bà nội. Chị T1 đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Đăng Nhật D2 (vì cháu D2 còn nhỏ), còn cháu Phan Văn T3 thì giao cho anh T2 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng khác đến cho anh T2, gia đình anh T2 đã nhận và cam đoan giao lại cũng như thông báo lại cho anh T2, song anh T2 vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc chị T1 xin ly hôn.

Tại các biên bản ghi ý kiến ngày 24/4/2020, 12/5/2020 và ngày 30/6/2020, ông Phan T4 (là bố của anh T2) trình bày: Hiện nay anh T2 đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài (Đài Loan), nhưng ông T4 không biết địa chỉ cụ thể của anh T2. Anh T2 vẫn thường xuyên gọi điện liên lạc với ông T4 và gia đình ông. Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đến cho anh T2, ông T4 nhận thay và đã thông báo cho anh T2 biết, nhưng vì bận công việc làm ăn tại Đài Loan nên anh T2 không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không cung cấp địa chỉ nơi mình đang sinh sống tại Đài Loan, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, tài liệu theo yêu cầu của Tòa án.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

+ Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn anh Phan Văn T2.

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Đăng Nhật D2. Giao cho anh Phan Văn T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Văn T3. Anh T2, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung : Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T1 phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị T1 khởi kiện xin ly hôn anh Phan Văn T2. Theo văn bản số 335/PA08 (Đ1) ngày 18/3/2020 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị xác nhận: Anh Phan Văn T2 đã xuất cảnh ra nước ngoài lần cuối cùng ngày 08/01/2020, đến nay vẫn chưa nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, vụ án này có đương sự ở nước ngoài. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T1 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự (vụ án có yếu tố nước ngoài).

[1.2] Thủ tục hòa giải: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho anh T2, gia đình anh T2 đã nhận và cam đoan giao lại cũng như thông báo lại cho anh T2, song anh T2 không đến Tòa án để giải quyết việc chị T1 có yêu cầu xin ly hôn. Do đó, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

[1.3] Sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn anh Phan Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hai lần hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 ‘‘về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ’’, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T1 và anh Phan Văn T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Trị vào ngày 08/7/2008.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T1 xin được ly hôn anh Phan Văn T2, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu T1ẫn giữa chị T1 và anh T2 là do hai bên không hợp nhau, không tìm thấy tiếng nói chung, giữa chị T1 và anh T2 không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Hiện nay chị T1 đang ở Việt Nam, còn anh T2 đang ở nước ngoài, cả hai ít khi liên lạc với nhau, anh T2 chỉ gọi điện về thông qua cha mẹ và con cái. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh T2

nhiều lần đến Tòa án để hòa giải việc chị T1 xin ly hôn, nhưng anh T2 không có mặt. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T1 ly hôn anh Phan Văn T2 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T1 có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Phan Đăng Nhật D2, sinh ngày 02/01/2017; còn cháu Phan Văn T3, sinh ngày 09/3/2009 thì giao cho anh T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét điều kiện thực tế hiện nay cháu T3 và cháu D2 đang được ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bố mẹ của anh T2 T4 nhận anh T2 đều đặn gửi tiền 7.000.000 đồng / tháng về cho ông bà để nhờ chăm sóc cháu T3 và cháu D2. Cháu T3 đã 11 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố, cháu D2 mới hơn 03 tuổi. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị T1 là phù hợp với thực tế nên căn cứ Điều 58, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Phan Văn T3 sinh ngày 09/3/2009 cho anh Phan Văn T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Phan Đăng Nhật D2 sinh ngày 02/01/2017 cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T2 và chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn anh Phan Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Văn T3, sinh ngày 09/3/2009 cho anh Phan Văn T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Phan Đăng Nhật D2, sinh ngày 02/01/2017 cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T2 và chị T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai T1 tiền số AA/2010/000700 ngày 24/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, chị T1 đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Phan Văn T2 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Luật